BM.TCCB.02.03

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

Số: 2660 /TB-BVNTW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO
Xét tuyển viên chức năm 2022

Bệnh viện Nhi Trung ương thông báo tuyển dụng viên chức năm 2022 như sau:

1. Số lượng người làm việc cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm: 225 người.

2. Số lượng vị trí việc làm thực hiện việc xét tuyển: 15 vị trí việc làm.

Số lượng người làm việc và vị trí việc làm cụ thể như sau:

STT	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Mã số CDNN	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn về văn bằng, CC theo khung năng lực VTVL
1	**Bác sĩ (hạng III)**	**Bác sĩ (hạng III)**	**V.08.01.03**	**81**	
1.1	Bác sĩ (hạng III) tại Các khoa lâm sàng (Nội nhi)	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	58	- TN Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa (34) - TN Thạc sĩ y học ngành Nhi khoa (10) - TN Bác sĩ đa khoa (14)
1.2	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Chỉnh hình	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	3	- TN Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa (01) - TN Bác sĩ nội trú chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình (01) - TN Bác sĩ đa khoa và có Chứng chỉ đào tạo liên tục Ngoại khoa 06 tháng trở lên (01)
1.3	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Sọ mặt và Tạo hình	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	1	TN Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa
1.4	Bác sĩ (hạng III) tại Trung tâm Thần kinh (Khoa Ngoại thần kinh)	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	1	TN Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa
1.5	Bác sĩ (hạng III) tại Trung tâm Tim mạch (Khoa Ngoại tim mạch)	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	TN Bác sĩ đa khoa và có Chứng chỉ đào tạo liên tục Ngoại khoa cơ bản, Chứng chỉ đào tạo liên tục về Phẫu thuật tim cơ bản
1.6	Bác sĩ (hạng III) tại Trung tâm Tim mạch (Khoa Gây mê hồi sức tim mạch)	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	3	- TN Bác sĩ nội trú chuyên ngành Gây mê hồi sức (01) - TN Bác sĩ đa khoa và có Chứng chỉ đào tạo liên tục về Gây mê hồi sức (02)

STT	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Mã số CDNN	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn về văn bằng, CC theo khung năng lực VTVL
1.7	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	1	TN Bác sĩ Y học cổ truyền
1.8	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Tâm thần	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	TN Bác sĩ nội trú chuyên ngành Tâm thần
1.9	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Sức khỏe vị thành niên	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	TN Bác sĩ nội trú chuyên ngành Tâm thần
1.10	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Mắt	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	1	TN Thạc sĩ y học chuyên ngành Nhãn khoa
1.11	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Giải phẫu bệnh	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	1	TN Bác sĩ Nội trú chuyên ngành Giải phẫu bệnh
1.12	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	4	- TN Bác sĩ Nội trú chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (03) - TN Bác sĩ đa khoa có Chứng chỉ đào tạo liên tục về Chẩn đoán hình ảnh (01)
1.13	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Di truyền và Sinh học phân tử	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	1	TN Bác sĩ Nội trú chuyên ngành Y sinh học di truyền
1.14	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Phục hồi chức năng	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	1	TN Thạc sĩ y học chuyên ngành Phục hồi chức năng lâm sàng
2	**Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III) tại Khoa Dự phòng và Kiểm soát nhiễm khuẩn**	**Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)**	**V.08.02.06**	**1**	**TN Bác sĩ Y học dự phòng**
3	**Cán sự tại Khoa Khám bệnh Chuyên khoa**	**Cán sự**	**01.004**	**1**	**TN Cao đẳng Kế toán**
4	**Chuyên viên**	**Chuyên viên**	**01.003**	**12**	
4.1	Chuyên viên tại Phòng Công tác xã hội	Chuyên viên	01.003	2	- TN Cử nhân Ngoại ngữ Anh (01) - TN Cử nhân Chính trị học (01)
4.2	Chuyên viên tại Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	2	- TN Thạc sĩ Quản lý công (01) - TN Cử nhân ngành Luật (01)
4.3	Chuyên viên tại Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	3	- TN Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (01) - TN Cử nhân Quản trị khách sạn (01) - TN Cử nhân Tài chính ngân hàng (01)

STT	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Mã số CDNN	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn về văn bằng, CC theo khung năng lực VTVL
4.4	Chuyên viên tại Phòng Vật tư - Thiết bị y tế	Chuyên viên	01.003	2	- TN Cử nhân Kinh tế (01) - TN Cử nhân Kinh doanh quốc tế (01)
4.5	Chuyên viên tại Phòng Thông tin điện tử, Viện Đào tạo và Nghiên cứu Sức khỏe Trẻ em	Chuyên viên	01.003	2	- TN Cử nhân Tài chính ngân hàng (01) - TN Cử nhân Văn học (01)
4.6	Chuyên viên tại Trung tâm Quốc tế (Khoa Khám bệnh)	Chuyên viên	01.003	1	TN Cử nhân Kế toán
5	**Công tác xã hội viên (hạng III)**	**Công tác xã hội viên (hạng III)**	**V.09.04.02**	**6**	
5.1	Công tác xã hội viên (hạng III) tại các khoa lâm sàng	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	4	TN Đại học ngành Tâm lý học
5.2	Công tác xã hội viên (hạng III) tại Phòng Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	2	TN Đại học ngành Công tác xã hội
6	**Điều dưỡng hạng III**	**Điều dưỡng hạng III**	**V.08.05.12**	**29**	**TN Điều dưỡng Đại học**
7	**Điều dưỡng hạng IV**	**Điều dưỡng hạng IV**	**V.08.05.13**	**47**	**TN Điều dưỡng Cao đẳng**
8	**Dinh dưỡng hạng III tại Khoa Dinh dưỡng**	**Dinh dưỡng hạng III**	**V.08.09.25**	**1**	**TN Cử nhân Dinh dưỡng**
9	**Dược sĩ (hạng III) tại Khoa Dược**	**Dược sĩ (hạng III)**	**V.08.08.22**	**2**	**TN Đại học ngành Dược**
10	**Kế toán viên tại Phòng Tài chính – Kế toán**	**Kế toán viên**	**06.031**	**3**	**TN Đại học ngành Kế toán**
11	**Kỹ sư (hạng III)**	**Kỹ sư (hạng III)**	**V.05.02.07**	**16**	
11.1	Kỹ sư (hạng III) tại các khoa cận lâm sàng	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	8	- TN Thạc sĩ Công nghệ sinh học (04) - TN Đại học ngành Công nghệ sinh học (04)
11.2	Kỹ sư (hạng III) tại Phòng Kỹ thuật thông dụng	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	6	- TN Thạc sĩ Xây dựng công trình thủy (01) - TN Thạc sĩ Kỹ thuật Điện, điện tử và viễn thông (01) - TN Kỹ sư Hệ thống điện (01) TN Cử nhân Công nghệ Kỹ thuật

STT	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Mã số CDNN	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn về văn bằng, CC theo khung năng lực VTVL
					- Điện tử - Viễn thông (01) - TN Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử (01) - TN Kỹ sư Công nghệ tự động (01)
11.3	Kỹ sư (hạng III) tại Phòng Thông tin điện tử, Viện Đào tạo và Nghiên cứu Sức khỏe Trẻ em	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	2	- TN Kỹ sư Tin học ứng dụng (01) - TN Kỹ sư An toàn thông tin (01)
12	**Kỹ thuật viên (hạng IV)**	**Kỹ thuật viên (hạng IV)**	**V.05.02.08**	**3**	
12.1	Kỹ thuật viên (hạng IV) tại Phòng Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	1	TN Cao đẳng tin học
12.2	Kỹ thuật viên (hạng IV) tại Phòng Vật tư - Thiết bị y tế	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	1	TN Cao đẳng Công nghệ thiết bị trường học
12.3	Kỹ thuật viên (hạng IV) tại Khoa Vi sinh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	1	TN Cao đẳng Công nghệ sinh học
13	**Kỹ thuật y hạng III**	**Kỹ thuật y hạng III**	**V.08.07.18**	**10**	
13.1	Kỹ thuật y hạng III tại Trung tâm Quốc tế (Khoa Nhi tổng quát 3)	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	**1**	TN Đại học chuyên ngành Phục hồi chức năng
13.2	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	**9**	TN Đại học ngành Kỹ thuật y học xét nghiệm hoặc Sinh học
14	**Kỹ thuật y hạng IV**	**Kỹ thuật y hạng IV**	**V.08.07.19**	**10**	
14.1	Kỹ thuật y hạng IV tại Các khoa Cận lâm sàng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	**7**	TN Cao đẳng ngành Kỹ thuật y học xét nghiệm
14.2	Kỹ thuật y hạng IV tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	**3**	TN Cao đẳng ngành Kỹ thuật hình ảnh y học
15	**Y tế công cộng (hạng III)**	**Y tế công cộng (hạng III)**	**V.08.04.10**	**3**	
15.1	Y tế công cộng (hạng III) tại Viện Đào tạo và Nghiên cứu Sức khỏe Trẻ em	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	**2**	TN Thạc sĩ Y tế công cộng

STT	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Mã số CDNN	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn về văn bằng, CC theo khung năng lực VTVL
15.2	Y tế công cộng (hạng III) tại Khoa Dự phòng và Kiểm soát nhiễm khuẩn	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	**1**	TN Cử nhân Y tế công cộng
	Tổng số			**225**	

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển

3.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;

b) Từ đủ 18 tuổi trở lên. Đối với một số lĩnh vực hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, tuổi dự tuyển có thể thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời, phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật;

c) Có đơn đăng ký dự tuyển;

d) Có lý lịch rõ ràng;

đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;

e) Đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

3.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.3. Yêu cầu về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học

- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 1 trở lên (đối với trình độ chuyên môn xét tuyển là cao đẳng), tương đương bậc 2 trở lên (đối với trình độ chuyên môn xét tuyển là đại học trở lên) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Đối tượng và điểm ưu tiên

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định hiện hành.

5. Hình thức, nội dung xét tuyển

5.1. Hình thức tuyển dụng: Tuyển dụng viên chức bằng hình thức xét tuyển được thực hiện 02 vòng theo quy định.

5.2. Nội dung xét tuyển viên chức

1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

a) Hình thức thi: Phỏng vấn.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi:

- Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị);

d) Thang điểm (thi phỏng vấn): 100 điểm.

6. Thời gian và địa điểm xét tuyển

- Thời gian: Dự kiến trong tháng 12/2022 và tháng 01/2023.

- Địa điểm: Bệnh viện Nhi Trung ương

7. Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

- Phiếu đăng ký dự tuyển: Người đăng ký dự xét tuyển viên chức nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 (ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ) được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện Nhi Trung

ương *(đề nghị ứng viên đăng ký dự tuyển đọc kỹ hướng dẫn ghi Phiếu đăng ký dự tuyển của Bệnh viện Nhi Trung ương, ghi đầy đủ, chi tiết các thông tin yêu cầu của mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển).*

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Bệnh viện Nhi Trung ương *(Từ 13h30 – 16h00 các ngày làm việc trong tuần, từ ngày 10/11/2022 đến hết ngày 09/12/2022).*

- Địa chỉ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự xét tuyển: Phòng Tổ chức cán bộ, tầng 3 tòa nhà 15 tầng, Bệnh viện Nhi Trung ương, số 18/879 La Thành, Đống Đa, Hà Nội; hoặc gửi theo đường bưu chính *(yêu cầu gửi theo dịch vụ bảo đảm và chuyển phát nhanh, ngày gửi trên dấu bưu điện nơi gửi được tính là thời gian nộp Phiếu đăng ký dự tuyển)* hoặc gửi Phiếu đăng ký dự xét tuyển online qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị.

- Bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển (Phòng Tổ chức cán bộ) - Số điện thoại liên hệ: (024) 6274 7689.

- Lệ phí dự thi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi và các thông tin liên quan sẽ được niêm yết tại trụ sở làm việc và được đăng trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện Nhi Trung ương **(https://benhviennhitrunguong.gov.vn)**. ***Đề nghị các ứng viên dự tuyển liên tục cập nhật, theo dõi các thông tin về tuyển dụng viên chức của Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2022 trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.***

Nơi nhận:
- Vụ TCCB - Bộ Y tế (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- Phòng Thông tin điện tử BV (để đăng tải trên trang thông tin điện tử BV);
- Lưu: TCCB.(02)

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

Trần Minh Điển